

Bản án số: 20/2020/DS-PT

Ngày: 16/11/2020

V/v: “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế là nhà, quyền sử dụng
đất, tiền bồi thường thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các thẩm phán: Ông Lê Tự

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế là nhà, quyền sử dụng đất, tiền bồi thường thu hồi đất*”; do bản án dân sự sơ thẩm số 17a/2020/DS-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐ-PT ngày 26/10/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Ông Tôn Ngọc S, sinh năm 1960; địa chỉ: xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

- Bà Tôn Thị Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Tôn Ngọc D, sinh năm 1956; địa chỉ: xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Huỳnh Ngọc A; đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Võ Thị Kim C; sinh năm: 1959

- A Tôn Ngọc Q, sinh năm 1992

- Chị Tôn Thị Q, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ:, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (tất cả vắng mặt).
Người đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; trú: 151/35
Quang Trung, Quảng Ngãi (có mặt).

- Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung đề các ngày 03/12/2018, 21/12/2018, ngày 15/01/2019 và các lời khai tại hồ sơ và tại phiên toà, ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L trình bày:

Cha mẹ ông, bà là cụ Tôn A (chết năm 2015) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 1990) có 5 người con gồm: Tôn Long C (chết năm 1970 không có vợ con), Tôn Long S (chết năm 1972 không có vợ con), Tôn Ngọc D, Tôn Ngọc S và Tôn Thị Kim L. Ngoài ra cha mẹ của ông, bà không có con riêng, con nuôi. Cha mẹ ông bà chết đều không để lại di chúc.

Nguyên thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, diện tích 661m² xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (*sau đây viết tắt là thửa 121*) có nguồn gốc của ông bà để lại cho cha mẹ ông, bà từ trước những năm 1940. Quá trình sử dụng, cha ông, bà có đăng ký kê khai, có tên trong sổ mục kê ruộng đất và theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ là thửa đất số 934, diện tích 500m². Trên thửa đất này cha mẹ ông, bà xây dựng một ngôi nhà cấp 4B, diện tích khoảng 100m² từ trước những năm 1980. Quá trình sử dụng, cha mẹ ông, bà có nâng cấp, sửa chữa lại nhà và làm thêm một số công trình tạm. Năm 1990, mẹ ông, bà là cụ Nguyễn Thị H chết, ông Tôn Ngọc S có vợ ra ở riêng, bà Tôn Thị Kim L lấy chồng theo ở phía nhà chồng. Năm 1996, ông Tôn Ngọc D đã tự đăng ký, kê khai toàn bộ thửa đất nêu trên và ngày 11/11/1996 Ủy ban nhân dân (*sau đây viết tắt là UBND*) huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây viết tắt là GCNQSDĐ*) cho ông Tôn Ngọc D đối với thửa 121. Sau đó, ông D đi vào trong Bình Phước làm ăn sinh sống đến năm 2006 mới trở về quê tiếp tục sinh sống trên căn nhà và đất này.

Năm 2017, Nhà nước thực hiện dự án xây dựng cầu T nên đã thu hồi diện tích 330m² của thửa 121 và giải tỏa ngôi nhà, cây cối trên đất, đồng thời UBND thành phố Q bồi thường về đất và tài sản trên đất cho ông Tôn Ngọc D với số

tiền 444.695.715 đồng; đã chi trả cho ông D nhận 222.000.000 đồng, số tiền còn lại do có tranh chấp nên ông D chưa được nhận. Đồng thời, Nhà nước cấp cho vợ chồng ông D, bà Võ Thị Kim C một lô đất tái định cư thuộc thửa đất số 1302, tờ bản đồ số 11, diện tích 100m² xã T, thành phố Q, giá trị quyền sử dụng đất phải nộp là 126.000.000 đồng.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy GCNQSD số vào sổ: 01386 QSDĐ/4131/QĐ-UB do UBND huyện S (nay là thành phố Q) cấp cho ông Tôn Ngọc D vào ngày 11/11/1996 tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 11, diện tích 661m² xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chia thừa kế theo pháp luật số tiền đền bù, hỗ trợ do nhà nước thu 330m² đất cùng với ngôi nhà và tài sản trên đất của thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14 để xây dựng cầu T với số tiền 444.695.715 đồng cho các đồng thừa kế: Tôn Ngọc D, Tôn Ngọc S và Tôn Thị Kim L mỗi người được nhận 148.231.000 đồng.

- Chia thừa kế theo pháp luật thửa đất tái định cư thuộc thửa đất số 1302, tờ bản đồ số 11, diện tích 100m² xã T, thành phố Q có giá trị 2.479.300.000 đồng. Ông, bà thống nhất giao thửa đất tái định cư cho ông Tôn Ngọc D quản lý sử dụng, ông D có nghĩa vụ thanh toán giá trị theo giá thị trường đã thẩm định cho ông, bà, mỗi người nhận 826.433.000 đồng.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 346,8m² đất còn lại của thửa 121 cho ba đồng thừa kế: Tôn Ngọc D, Tôn Ngọc S và Tôn Thị Kim L mỗi người được nhận diện tích 116,2m².

Đối với yêu cầu Tòa án giải quyết chia số tiền 42.225.000 đồng do Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho cụ Nguyễn Thị H, ông, bà xin rút yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tôn Ngọc D trình bày:

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa 121 ông thống nhất như trình bày của nguyên đơn. Đối với tài sản trên thửa 121, cha mẹ ông có xây dựng một ngôi nhà tranh vách đất và các anh em đều sinh sống trên ngôi nhà này. Năm 1981, ông Tôn Ngọc S có vợ, cha ông đứng ra xin Hợp tác xã một mảnh vườn cho ông Tôn Ngọc S làm nhà, tách khẩu ra ở riêng từ đó đến nay. Bà Tôn Thị Kim L sau đó cũng lấy chồng và về sinh sống bên phía nhà chồng. Còn ông sinh sống với cha mẹ trên nhà đất thửa 121 và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, thờ cúng ông bà. Cha mẹ ông thống nhất để lại nhà đất nêu trên cho ông, nên vào năm 1995 được sự thống nhất của cha ông, ông đăng ký kê khai và được UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp GCNQSDĐ đối với thửa 121, việc cha

ông đồng ý cho ông kê khai chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ gì. Khi kê khai cấp GCNQSDĐ, ông S, bà L có biết việc cha ông để lại nhà đất đang ở cho ông nhưng không ai có ý kiến tranh chấp gì.

Quá trình sử dụng, do nhà xuống cấp, mục nát nên vào năm 1984, ông và cha ông cùng bỏ tiền ra làm lại nhà mới có cấu trúc: móng đá chẻ, tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp ngói với diện tích khoảng 95m², sau đó ông có sửa chữa lại nhiều lần đến năm 2007 thì hoàn thiện. Đồng thời, ông có đổ đất nâng nền thửa 121 do trước đây nền đất gần ruộng, thấp trũng. Năm 2017, Nhà nước thực hiện dự án xây dựng cầu T nên đã thu hồi diện tích 330m² và giải tỏa ngôi nhà, cây cối trên đất, UBND thành phố Q đã bồi thường đất và tài sản trên đất cho ông với số tiền 444.695.715 đồng. Đồng thời, Nhà nước cấp cho vợ chồng ông một lô đất tái định cư thuộc thửa đất số 1302, tờ bản đồ số 11, diện tích 100m² xã T, thành phố Q, giá trị quyền sử dụng đất phải nộp là 126.000.000 đồng, vợ chồng ông còn nợ chưa nộp cho Nhà nước.

Hiện nay, ông đã nhận số tiền bồi thường là 222.000.000 đồng, số tiền còn lại do có tranh chấp nên chưa nhận. Đối với lô đất tái định cư ông chưa nộp tiền sử dụng đất và do đất đang có tranh chấp nên Nhà nước chưa bàn giao lô đất tái định cư và GCNQSDĐ.

Nay các nguyên đơn ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L yêu cầu chia di sản thừa kế nhà, đất và tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất ông không đồng ý vì thửa đất này khi còn sống, cha ông thống nhất để lại cho ông đăng ký kê khai, lo chăm sóc cha mẹ và thờ cúng ông bà. Về ngôi nhà trên đất của cha mẹ để lại đã xuống cấp nên ông đã làm lại nhà khác và các cây cối trong vườn cũng do ông trồng. Vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chia thừa kế theo pháp luật thì phải tính công sức ông quản lý di sản, bồi đắp cải tạo, gìn giữ và chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ cho ông bằng một kỷ phần thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim C trình bày: Thông nhất với trình bày của bị đơn

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tôn Ngọc Q, chị Tôn Thị Q: Không có ý kiến trình bày

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Q trình bày: Không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ số vào sổ: 01386 QSDĐ/4131/QĐ-UB do UBND huyện S (nay là thành phố Q) cấp cho ông Tôn Ngọc D vào ngày 11/11/1996 tại thửa 121.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17a/2020/DS-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 2 Điều 618, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L về việc chia số tiền 42.225.000 đồng do Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho cụ Nguyễn Thị H.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L về việc chia di sản thừa kế của cụ Tôn A (chết năm 2015) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 1990) theo pháp luật.

Xác định những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tôn A và cụ Nguyễn Thị H là ông Tôn Ngọc D, ông Tôn Ngọc S và bà Tôn Thị Kim L.

Xác định di sản thừa kế của cụ Tôn A và cụ Nguyễn Thị H gồm: Diện tích 346,8m² còn lại của thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và số tiền 154.093.425 đồng bồi thường khi thu hồi một phần thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Di sản thừa kế của cụ A, cụ H được chia cụ thể như sau:

- Chia cho bà Tôn Thị Kim L diện tích 99,08m² (*phần đất có ký hiệu B4, giới cận được thể hiện theo hình MVUTSRQPON trong sơ đồ kèm theo bản án*). Trên diện tích đất chia cho bà L có 9,57m tường rào có kết cấu tường, trụ bê tông, kéo lưới B40 do ông Tôn Ngọc D, bà Võ Thị Kim C xây dựng sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2019, buộc ông D, bà C tháo dỡ để giao diện tích đất được chia cho bà Tôn Thị Kim L. Chia cho bà L 44.026.000 đồng bồi thường khi thu hồi một phần thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chia cho ông Tôn Ngọc S diện tích 99,08m² (*Phần đất có ký hiệu B2 và B3, giới cận được thể hiện theo hình HCVMLI trong sơ đồ kèm theo bản án*). Trên phần đất này có 02 cây vú sữa có giá trị 700.000 đồng (2 cây x 350.000 đồng) ông S được quyền sở hữu, ông S có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng Tôn Ngọc D, bà Võ Thị Kim C số tiền 700.000 đồng; buộc ông D, bà C tháo dỡ 28,5m² đường bê tông và 1,9m² nhà gạch (*Trên phần đất có ký hiệu B3 trong sơ đồ kèm theo bản án*) do ông D, bà C xây dựng sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2019 để giao diện tích đất được chia cho ông S. Chia cho

ông Tôn Ngọc S 44.026.000 đồng bồi thường khi thu hồi một phần thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xử lý bằng biện pháp hành chính đối với hành vi xây dựng công trình trái phép trên phần đất ranh giới giải phóng mặt bằng đường dẫn cầu T của ông Tôn Ngọc D, bà Võ Thị Kim C để trả lại mặt tiền diện tích đất được chia cho ông Tôn Ngọc S.

- Chia cho ông Tôn Ngọc D diện tích 148,64m² (phần đất có ký hiệu B1, giới cận được thể hiện theo hình FEDXWHG trong sơ đồ kèm theo). Chia cho ông Tôn Ngọc D 66.041.425 đồng tiền bồi thường khi thu hồi một phần thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Sơ đồ kèm theo bản án là một bộ phận không tách rời bản án)

Ông Tôn Ngọc D, ông Tôn Ngọc S và bà Tôn Thị Kim L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được hưởng thừa kế và liên hệ với Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ngãi để nhận số tiền được hưởng thừa kế.

[3] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L về việc chia di sản thừa kế của cụ Tôn A và cụ Nguyễn Thị H là số tiền bồi thường hỗ trợ 290.602.290 đồng và lô đất tái định cư

LK14:30, diện tích 100m² mặt tiền đường dẫn Cầu T. Xác định số tiền bồi thường hỗ trợ 290.602.290 đồng và lô đất tái định cư LK14:30, diện tích 100m² mặt tiền đường dẫn Cầu T thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông Tôn Ngọc D và bà Võ Thị Kim C. Ông D, bà C liên hệ với Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ngãi để nhận số tiền trên 68.602.290 đồng (Ngoài số tiền 222.000.000 đồng đã nhận) và liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nộp tiền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất lô đất tái định cư LK14:30, diện tích 100m² mặt tiền đường dẫn Cầu T theo quy của pháp luật.

[4] Không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01386 QSDĐ/4131/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện S (nay là thành phố Q) cấp cho ông Tôn Ngọc D vào ngày 11/11/1996.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/6/2020 nguyên đơn ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà. Cụ thể:

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 121 tờ bản đồ số 14 xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với 01 lô đất tái định cư LK14:30 có diện tích 100m².

- Chia phần thừa kế theo pháp luật đối với số tiền bồi thường là 444.695.715 đồng do thu hồi một phần thửa đất số 121 tờ bản đồ số 14 xã T.

Ngày 29/6/2020 bị đơn ông Tôn Ngọc D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể:

- Không chia thừa kế thừa đất số 121 và tiền bồi thường về đất khi bị thu hồi cho ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L.

- Xem xét giải quyết cho ông được hưởng một kỷ phần thừa kế đối với công duy trì, tôn tạo, bảo quản di sản và chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.

Tại phiên tòa Phúc thẩm: Nguyên đơn ông S bà L và bị đơn ông D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật làm 03 phần bằng nhau đối với toàn bộ di sản thừa kế của cha mẹ để lại bao gồm 346,8m² đất còn lại có giá trị 5.580.358.800đ, giá trị bồi thường 330 m² đất và tài sản trên đất bị nhà nước thu hồi là 444.695.715đ, giá trị 100m² đất nhà nước tái định cư là 2.479.300.000đ. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn tranh luận rằng: Việc nhà nước bồi thường đất tái định cư cho ông D một lô đất 100m² cũng xuất phát từ việc thu hồi 330m² đất là di sản thừa kế, nên đây cũng là di sản thừa kế, do vậy yêu cầu được chia thừa kế lô đất trên theo pháp luật; mặt khác tòa án cấp sơ thẩm trích công sức cho ông D bằng 1 kỷ phần di sản là quá nhiều, nên đề nghị xem xét lại. Bị đơn yêu cầu bác toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn, vì toàn bộ tài sản trên đã được cha mẹ tặng cho nên không phải là di sản thừa kế đồng thời rút lại yêu cầu kháng cáo *“trong trường hợp tòa phúc vẫn chia di sản thừa kế thì phải xem xét đến công sức đóng góp của bị đơn”*. Như vậy, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung, án sơ thẩm xét xử đúng pháp luật, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Tôn Ngọc S, Tôn Thị Kim L và Tôn Ngọc D, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì tại phiên tòa hôm nay các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có một số đương sự vắng mặt không rõ lý do, theo đề nghị của các đương sự có mặt và của Kiểm sát viên, HĐXX thấy đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai, các đương sự đều nhận được Giấy triệu tập hợp lệ, nên thống nhất quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn về việc cho rằng tài sản đã được cha mẹ cho lúc còn sống nên đây không còn là di sản thừa kế để chia; HĐXX thấy rằng: Khi còn sống ông Tôn A có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Chính phủ với diện tích 500m², thửa số 934, trên đó có căn nhà 100m². Năm 1990 và 1995 cha mẹ ông D là ông A bà Hảo lần lượt qua đời, ngày 11/11/1996 ông D được cấp Giấy CNQSDĐ là do ông tự kê khai đăng ký, tuyệt nhiên không có chứng cứ nào chứng minh là ông được cha mẹ cho toàn bộ nhà và đất nêu trên. Do vậy, tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản trên là di sản thừa kế và chia theo pháp luật là đúng quy định.

[3] Xét kháng cáo của các nguyên về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 03 phần bằng nhau đối với diện tích đất còn lại 346,8m² của thửa đất số 121 và số tiền bồi thường là 444.695.715 đồng do thu hồi một phần thửa đất số 121; HĐXX thấy rằng: Trong tổng số tiền được bồi thường là 444.695. 715 đ, ông D đã được chia 356.643.715đ là trên 80% vì do đây là tài sản trên đất hình thành chủ yếu trong quá trình ông D sinh sống tạo lập nên, còn ông S, bà L không trực tiếp tạo lập ra các tài sản trên mà được chia thừa kế lại một phần của cha mẹ nên mỗi người được nhận 44.026.000đ chưa được 10% là phù hợp; đối với diện tích đất còn lại 346,8m², ông D cũng được chia nhiều hơn là 148,62m²; ông S , bà L mỗi người được chia 99,08m². Thấy rằng, tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ di sản của ông A bà Hảo cho 03 người con của ông bà như trên là có xem xét đến công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo di sản của vợ chồng ông D bà C là đúng quy định; yêu cầu của nguyên đơn phải chia cho 03 phần bằng nhau là không phù hợp với thực tế và pháp luật quy định.

[4] Xét kháng cáo của các nguyên về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với lô đất tái định cư LK14:30 có diện tích 100m²; HĐXX thấy rằng: Trên thực tế hộ gia đình ông D bà C đã sinh sống ổn định, lâu dài trên thửa đất của cha mẹ để lại từ trước đến nay không có chỗ ở nào khác. Nay nhà nước thu hồi đất với mục đích mở đường làm cầu dân sinh phục vụ cho lợi ích cộng đồng, nên theo quy định sẽ cấp tái định cư một lô đất ở cho hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án; như vậy lô đất LK 14:30 là tài sản phát sinh từ chính sách của nhà nước

đối với người có hộ khẩu và đang cư trú trên đất bị thu hồi; nên thửa đất đó không phải là di sản thừa kế của ông A bà Hảo để lại, nên tòa án cấp sơ thẩm không chia thừa kế là đúng pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên đây, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Ngọc D và ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; riêng ông Tôn Ngọc D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Ngọc D, ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17a/2020/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 và Quyết định sửa chữa bản án sơ thẩm số 26/2020/QĐ-SCBA ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 2 Điều 618, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q Hội.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L về việc chia số tiền 42.225.000 đồng do Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho cụ Nguyễn Thị H.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L về việc chia di sản thừa kế của cụ Tôn A (chết năm 2015) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 1990) theo pháp luật.

Xác định những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tôn A và cụ Nguyễn Thị H là ông Tôn Ngọc D, ông Tôn Ngọc S và bà Tôn Thị Kim L.

Xác định di sản thừa kế của cụ Tôn A và cụ Nguyễn Thị H gồm: Diện tích 346,8m² còn lại của thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và số tiền 154.093.425 đồng bồi thường khi thu hồi một phần thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Di sản thừa kế của cụ A, cụ H được chia cụ thể như sau:

- Chia cho bà Tôn Thị Kim L diện tích 99,08m² (*phần đất có ký hiệu B4, giới cận được thể hiện theo hình MVUTSRQPON trong sơ đồ kèm theo bản án*). Trên diện tích đất chia cho bà L có 9,57m tường rào có kết cấu tường, trụ bê tông, kéo lưới B40 do ông Tôn Ngọc D, bà Võ Thị Kim C xây dựng sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2019, buộc ông D, bà C tháo dỡ để giao diện tích đất được chia cho bà Tôn Thị Kim L. Chia cho bà L 44.026.000 đồng bồi thường khi thu hồi một phần thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chia cho ông Tôn Ngọc S diện tích 99,08m² (*Phần đất có ký hiệu B2 và B3, giới cận được thể hiện theo hình HCVMLI trong sơ đồ kèm theo bản án*). Trên phần đất này có 02 cây vú sữa có giá trị 700.000 đồng (2 cây x 350.000 đồng) ông S được quyền sở hữu, ông S có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng Tôn Ngọc D, bà Võ Thị Kim C số tiền 700.000 đồng; buộc ông D, bà C tháo dỡ 28,5m² đường bê tông và 1,9m² nhà gạch (*Trên phần đất có ký hiệu B3 trong sơ đồ kèm theo bản án*) do ông D, bà C xây dựng sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2019 để giao diện tích đất được chia cho ông S. Chia cho ông Tôn Ngọc S 44.026.000 đồng bồi thường khi thu hồi một phần thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xử lý bằng biện pháp hành chính đối với hành vi xây dựng công trình trái phép trên phần đất ranh giới giải phóng mặt bằng đường dẫn cầu T của ông Tôn Ngọc D, bà Võ Thị Kim C để trả lại mặt tiền diện tích đất được chia cho ông Tôn Ngọc S.

- Chia cho ông Tôn Ngọc D diện tích 148,64m² (*phần đất có ký hiệu B1, giới cận được thể hiện theo hình FEDXWHG trong sơ đồ kèm theo*). Chia cho ông Tôn Ngọc D 66.041.425 đồng tiền bồi thường khi thu hồi một phần thửa đất số 121, tờ bản đồ số 14, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Sơ đồ kèm theo bản án là một bộ phận không tách rời bản án)

Ông Tôn Ngọc D, ông Tôn Ngọc S và bà Tôn Thị Kim L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được hưởng thừa kế và liên hệ với Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ngãi để nhận số tiền được hưởng thừa kế.

[3] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L về việc chia di sản thừa kế của cụ Tôn A và cụ Nguyễn Thị H là số tiền bồi thường hỗ trợ 290.602.290 đồng và lô đất tái định cư LK14:30, diện tích 100m² mặt tiền đường dẫn Cầu T. Xác định số tiền bồi thường hỗ trợ 290.602.290 đồng và lô đất tái định cư LK14:30, diện tích 100m² mặt tiền đường dẫn Cầu T thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông Tôn Ngọc D và bà Võ Thị Kim C. Ông D, bà C liên hệ với Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ngãi để nhận số tiền trên 68.602.290 đồng (Ngoài số tiền 222.000.000 đồng đã nhận) và liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nộp tiền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất lô đất tái định cư LK14:30, diện tích 100m² mặt tiền đường dẫn Cầu T theo quy của pháp luật.

[4] Không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01386 QSDĐ/4131/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện S (nay là thành phố Q) cấp cho ông Tôn Ngọc D vào ngày 11/11/1996.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tôn Ngọc S, bà Tôn Thị Kim L, mỗi người phải chịu 300.000đ. Ông S bà L mỗi người đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo các biên lai thu tiền số 6003, 6004 ngày 08/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; các đương sự đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm. Ông Tôn Ngọc D không phải nộp án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/11/2020)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường